TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2020/DS-ST
Ngày: 10 - 11 -2020
V/v hợp đồng vay tài sản – hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Hường
- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Văn Hùng
Ông Đỗ Sơn Hùng

- ***Thư ký phiên tòa*** **:** Ông Nguyễn Quốc Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Kim Trang – kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 182/2020/TLST-DS, ngày 21 tháng 7 năm 2020 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản – hợp đồng góp hụi.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 262/2020/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 210/2020/QĐST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1964, nơi cư trú: tổ 26, ấp BH, thị trấn CD, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Có mặt

- *Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:* Ông Lê Đình Ch, sinh năm 1854, nơi cư trú: tổ 26, ấp BH, thị trấn CD, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Theo giấy uỷ quyền ngày 27/10/2020 được chứng thực tại UBND thị trấn Cái Dầu. có mặt

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Tường V, sinh năm 1967; ông Lê Mi L, sinh năm 1967 cùng nơi cư trú: tổ 05, ấp BH, thị trấn CD, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Vắng mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị Châu M, sinh năm 1970, nơi cư trú: tổ 12, ấp CH, xã BL, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Có đơn xin

vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 7 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph trình bày:

Trong năm 2019, bà V và ông Mi L có vay của bà nhiều lần tổng số tiền 105.000.000 đồng: vay nhiều lần từ đầu năm 2019, thành số tiền 65.000.000 đồng; vay đáo hạn ngân hàng ngày 02/9/2019 số tiền 40.000.000 đồng.

Sau đó, bà có viết biên nhận ngày 17/8/2019 có chữ ký và lăn tay của bà V, có bà Châu M chứng kiến.

Ngoài ra bà V có tham gia dây hụi 5.000.000đ do bà làm chủ hụi và sau khi hốt hụi thì bà V còn nợ số tiền 55.000.000 đồng. Bà đã nhiều lần tìm gặp và nhắc việc trả tiền cho bà nhưng bà V, ông Mi L tránh mặt, bà đến nhà và có gặp bà Châu M - em gái ruột bà V có viết giấy hứa đóng lãi 35.000.000đ vào ngày 01/3Al/2020, tuy nhiên vẫn không thực hiện.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà V và ông Mi L có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 160.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày khởi kiện.

Ông Mi L đều biết sự việc vay mượn tiền cũng như chơi hụi của bà V, ông Mi L cũng từng có nói chuyện, bàn bạc với bà về việc trả nợ. Số tiền ông Vi vay mượn và hốt hụi cũng là đem về lo cho chi tiêu trong gia đình.

Bà xác định không có yêu cầu bà Châu M cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà, bà Châu M có biết việc bà và bà V, ông Mi L làm ăn cùng nhau cũng như biết số tiền nợ giữa bà và bà V, ông Mi L, bà chỉ trình bày và đưa bà Châu M vào vụ án với tư cách người làm chứng.

- Bị đơn ông Lê Mi L và bà Lê Thị Tường V đã được Tòa án tống đạt các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật nhưng ông bà không gửi văn bản tự khai và không tham gia tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến của ông bà.

- Theo tự khai ngày 19 tháng 8 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Châu M trình bày:

Bà là em ruột bà V. Về sự việc giữa bà Ph và bà V, ông Mi L, bà có biết được như sau: Trong thời gian qua, bà biết là bà Ph và bà V, ông Mi L có làm ăn qua lại với nhau, bà V, ông Mi L có nợ tiền của bà Ph. Lý do bà biết là do nhiều lần bà V nhờ bà đi lấy tiền, đưa tiền với bà Ph và bà V có nói cho bà nghe việc có nợ tiền bà Ph.

Về số tiền nợ cụ thể thì bà không rõ về việc vay mượn như thế nào và thời gian vay mượn, bà có biết như sau:

+ Đối với số tiền 65.000.000 đồng mà bà V vay nhiều lần thì bà không rõ;

+ Về số tiền 40.000.000 đồng vay đáo hạn ngân hàng thì bà có biết do bà V có nói lại cho bà nghe;

+ Về số tiền hụi 55.000.000 đồng thì bà có biết bà V có chơi hụi 5.000.000 đồng của bà Ph và còn nợ hụi chết như bà Ph trình bày là đúng.

Do làm ăn thất bại, bà V không trả tiền cho bà Ph nên bà Ph đi tìm và có đến nhà gặp bà, bà có hỏi lại bà V và được bà V xác định số tiền nợ như bà Ph đòi số tiền 160.000.000 đồng là đúng. Do cũng muốn giúp đỡ bà V nên bà mới viết giấy hứa đóng lãi 35.000.000 đồng vì nghĩ lúc đó vay tiền ngân hàng trả nợ tiếp bà V, nhưng nay không vay được tiền ngân hàng nên nay bà không đồng ý cùng chịu trách nhiệm hay nhận trả thay bà V.

Đối với tờ mượn nợ ngày 17/8/2019 thì đúng là do bà Ph viết và bà V ký tên lăn tay, lúc này bà có chứng kiến sự việc.

Về sự việc này thì bà có ý kiến bà V hiện đã bỏ trốn mà đây là nợ chung của vợ chồng, ông Mi L có biết việc nợ nần, bà V cũng đem tiền về lo cho gia đình, bà nghĩ bà V và ông Mi L nên lo tiền trả cho bà Ph. Bà không có liên quan gì đến việc nợ nần này và nay cũng bận làm nên bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- *Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph: yêu cầu ông Mi L và bà Tường V cùng có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Ông Mi L có biết việc bà Tường V vay tiền cũng như chơi hụi với bà, do ông Mi L có nhiều lần đến nhà bà lấy tiền và cũng thừa nhận thể hiện trong đoạn ghi âm mà bà đã cung cấp cho Toà án trong giai đoạn tạm ngừng phiên toà.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:*

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Mi L và bà Tường V cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ph số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Bà Nguyễn Thị Ph khởi kiện về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi đối với ông Lê Mi L, bà Lê Thị Tường V cư trú tại thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại Điều 27, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Ông Lê Mi L và bà Lê Thị Tường V dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ hai và bà Lê Thị Châu M có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Mi

L, bà Tường V và bà Châu M là phù hợp với qui định pháp luật tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về chứng cứ: trong giai đoạn tạm ngừng phiên toà, bà Ph có cung cấp 01 USB chứa 02 file ghi âm về đoạn hội thoại với bà Châu M và ông Mi L. Đồng thời bà Ph có cung cấp văn bản tường trình nội dung đoạn file ghi âm. Toà án có ra Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ số 28/TB-TA ngày 29/10/2020 để thông báo cho bà Tường V, ông Mi L và bà Châu M về chứng cứ nhưng các ông bà không có gửi văn bản trình bày ý kiến. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành công khai đối với chứng cứ này và người tham gia tố tụng không yêu cầu tạm ngừng hay hoãn phiên toà để tiếp cận chứng cứ.

[2] *Về nội dung giải quyết vụ án:*

[2.1] Bà Ph khởi kiện yêu cầu ông Mi L và bà Tường V cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng), trong đó hợp đồng vay còn nợ là 105.000.000 đồng (một trăm lẻ năm triệu đồng) và số tiền còn nợ của hợp đồng góp hụi là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng). Tòa án đã thực hiện, cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Mi L và bà Tường V để ông bà thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn tuy nhiên cho đến nay ông bà vẫn vắng mặt không tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử và không gửi văn bản trình bày ý kiến, xem như ông bà tự từ bỏ quyền lợi của bản thân. Qua xác minh thì địa phương xác định ông Mi L và bà Tường V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ ấp Bình Hoà, thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, hiện ông Mi L vẫn còn ở địa phương, riêng bà Tường V đã bỏ địa phương đi thỉnh thoảng có quay về địa phương.

[2.2] Theo Tờ mượn nợ ngày 17/8/2019 có chữ ký, lăn tay của bà Lê Thị Tường V thể hiện bà V có mượn của bà Ph số tiền 105.000.000 đồng (một trăm lẻ năm triệu đồng), bà V không có ý kiến phản đối hay phản bác đối với chứng cứ là tờ mượn nợ cũng như nội dung hay chữ ký, lăn tay của bà trong tờ mượn nợ. Đồng thời theo lời trình bày của bà Châu M là em ruột của bà V xác định bà Châu M chứng kiến việc bà V có ký tên, lăn tay vào tờ mượn nợ và bà có nghe bà V nói về việc vay tiền của bà Ph. Như vậy đã có đủ cơ sở xác định giữa bà Ph và bà V có xác lập quan hệ vay tài sản đối với số tiền vốn vay 105.000.000 đồng (một trăm lẻ năm triệu đồng) là có thật, việc giao dịch này hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với qui định pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà Ph dù nhiều lần yêu cầu trả tiền vay nhưng bà V vẫn không thực hiện như vậy là bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với hợp đồng vay qui định tại Điều 466 Bộ luật dân sự do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ph, buộc bà Tường V có nghĩa vụ trả cho bà Ph số tiền nợ của hợp đồng vay là 105.000.000 đồng (một trăm lẻ năm triệu đồng).

[2.3] Đối với hợp đồng góp hụi: Theo danh sách dây hụi 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) khui ngày 25/10/2018AL, có 27 phần, bà Tường V tham gia chơi 01 (một) phần và lời xác nhận của bà Châu M về việc bà V có tham gia chơi hụi và còn nợ tiền hụi của bà Ph. Như vậy đã có cơ sở xác định bà V có tham gia chơi hụi

với bà Ph và còn nợ số tiền 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng) là thật. Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015 thì giao dịch hụi giữa bà Ph và bà Tường V là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật, do đó nay Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 16 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ph, buộc bà Tường V có nghĩa vụ trả cho bà Ph số tiền còn nợ của hợp đồng góp hụi là 55.000.000 đồng(năm mươi lăm triệu đồng).

[2.4] Về tiền lãi: Bà Ph không yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về nghĩa vụ liên đới: Theo bà Ph và bà Châu M trình bày thì bà V vay số tiền 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng) để xây sửa nhà, số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) để đáo hạn ngân hàng, về tiền hụi cũng là để tiếp tục xây sửa nhà. Như vậy cho thấy mục đích sử dụng tiền vay và tiền nợ hụi của bà V là vào sử dụng chung cho gia đình, nhu cầu thiết yếu của gia đình. Hội đồng xét xử nhận thấy việc sửa nhà và việc đáo hạn ngân hàng là việc chung của gia đình nên ông Mi L phải biết. Đồng thời theo đoạn ghi âm mà bà Ph cung cấp cho thấy ông Mi L biết việc bà Tường V còn nợ bà Ph số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng). Đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, ông Mi L có biết sự việc và mục đích sử dụng chung trong gia đình, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình 2014, buộc ông Mi L cùng có nghĩa vụ liên đới với bà Tường V trả cho bà Ph số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng).

[2.6] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Ph được chấp nhận do đó bà Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Tường V và ông Mi L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Bà Châu M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 27, Điều 35, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Khoản 20 Điều 3; Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 471 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ vào Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ hụi biêu phường;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph. Buộc bà Lê Thị Tường V và ông Lê Mi L cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ph số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Ph số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003528 ngày 21/7/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Phú.

Bà Lê Thị Tường V và ông Lê Mi L cùng phải chịu 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Châu M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Ph được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Mi L, bà Lê Thị Tường V, bà Lê Thị Châu M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Lưu; hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cẩm Hường